

Bản án số: 61/ 2024/HS-ST
Ngày: 24.04.2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Minh Thông**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Hoàng Minh Trinh**

Ông **Phạm Công Lương**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Anh Đào** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà **Hồ Thị Bích Tâm** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 27/2024/HSST ngày 22 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. **Lê Văn T** (tên gọi khác: không) - Sinh ngày: 19/4/1999 tại thành phố Đ; Giới tính: Nam; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: thôn H, xã H, huyện H, thành phố Đ. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Lê H (SN: 1958) và bà Nguyễn Thị M (SN: 1964); Gia đình có 04 anh, em. Bị cáo là con thứ tư.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ/tạm giam từ ngày 29/9/2023 tại Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng. *(Có mặt tại phiên tòa)*

2. **Nguyễn Công Q** (tên gọi khác: Không) – Sinh ngày: 16/4/1998 tại thành phố Đ; Giới tính: Nam; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn H, xã H, huyện H, thành phố Đ. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Nguyễn Công N (SN: 1972) và bà Nguyễn Thị L (SN 1972); Gia đình có 04 anh, em; bị cáo là con thứ hai. Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Hồng V (SN: 1998). Có 01 con sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ/tạm giam từ ngày 29/9/2023 tại Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng. *(Có mặt tại phiên tòa)*

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Ông **Trần Hoàng N** – sinh năm: 1998.

Nơi thường trú: Thôn 1, xã P, huyện P, tỉnh Q. (vắng mặt)

Chỗ ở: Đường C, phường M, quận N, thành phố Đ.

- Ông **Nguyễn Hữu L** – sinh năm: 1997. (vắng mặt)

Nơi thường trú và chỗ ở: Thôn H, xã H, huyện H, thành phố Đ.

- **Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ T.**

Địa chỉ: Đường H, phường H, quận H, thành phố Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thanh L. Chức vụ: Giám đốc. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 28.9.2023, Trần Hoàng N (là bạn của Q) nhắn tin rủ Nguyễn Công Q đi nhậu. Sau đó, Q liên hệ với Lê Văn T, trao đổi, thống nhất xuống Bar T để nghe nhạc và sử dụng ma túy, Q chịu tiền bàn, T chịu tiền mua ma túy. Tiếp đến, T rủ Nguyễn Hữu L (bạn của T), cả 2 đi Grab ô tô đến nhà đón Q đi cùng nên Q nhắn tin nói N đến thẳng Bar T để uống bia. Khi đến quán tại Lô đường H, phường H, quận H, thành phố Đ thì T, Q và L được nhân viên đưa vào ngồi tại bàn A1. Một lúc sau, T đi ra ngoài gọi điện cho một người nam thanh niên (không rõ lai lịch) qua ứng dụng Telegram để mua 03 viên thuốc lắc, 01 chỉ ketamine, giá 1.800.000đ và giao trực tiếp tại bàn A1, T trả tiền mặt (sau khi nhận ma túy thì T đã xóa cuộc gọi với người này). Sau khi có ma túy, T lấy 01 viên ma túy thuốc lắc bẻ ra thành 04 mảnh, T đưa cho Q và L, mỗi người một mảnh để sử dụng, T sử dụng một mảnh, còn lại 01 mảnh với 02 viên thuốc lắc T để trên bàn. Tiếp đó, T đưa gói ma túy Ketamine và tờ tiền 2.000 đồng cho Q để “xào” ma túy Ketamine. Quin đồ gói ma túy Ketamine lên tờ tiền 2.000 đồng, dùng bật lửa (có sẵn trên bàn) hơi nóng mặt dưới tờ tiền để nghiền ma túy rồi đổ ra ly thủy tinh nhỏ, Q sử dụng trước rồi đặt cái ly Ketamine ra bàn để T, L tự lấy sử dụng. Lát sau, N đến, tự lấy 01 mảnh ma túy thuốc lắc và ma túy Ketamine trên bàn để sử dụng. Khi cả nhóm sử dụng ma túy Ketamine xong thì Nguyễn Thị H (là nhân viên của quán Bar) đến ngồi vào bàn chơi, tiếp bia. Đến khoảng 23 giờ 50 phút cùng ngày thì bị Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đà Nẵng kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ:

- 01 gói nilong bên trong chứa 02 viên nén màu xanh; 01 tờ tiền mệnh giá 2.000đ, có chất bám dính màu trắng, niêm phong ký hiệu T;

- 01 ly thủy tinh cao khoảng 07 cm, đường kính 04 cm;

- 01 căn cước công dân số 048099000093 mang tên Lê Văn T, là giấy tờ tùy thân của T;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, màu xanh, số Imei 1: 356550104686682, số Imei 2: 356550104728997, gắn sim số: 0905.763.973 của Lê Văn T, sử dụng để liên lạc mua ma túy;

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO F7, màu xanh dương, số Imei 1: 869604033682377, số Imei 2: 869604033682369, gắn sim số 1: 0766.669.069, sim số 2: 0779.557.998 của Nguyễn Công Q, sử dụng liên lạc, rủ N đến sử dụng ma túy.

Kết quả thử test xác định Nguyễn Công Q, Lê Văn T, Nguyễn Hữu L, Trần Hoàng N đều dương tính với chất ma túy loại MDMA và Ketamine. Nguyễn Thị H âm tính với chất ma túy.

Tin nhắn, dữ liệu điện tử thu giữ:

Điện thoại của Nguyễn Công Q có tin nhắn qua ứng dụng Messenger lúc 22 giờ 09 phút ngày 28.9.2023 với N có nội dung: “Vô bàn a1, bàn t”.

Theo Bản Kết luận giám định số: 851/KL-KTHS ngày 06/10/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng, kết luận:

- Mẫu chất bám dính màu trắng trên tờ tiền mệnh giá 2.000đ, ký hiệu T1 gửi giám định là ma túy, loại Ketamine. Không xác định được khối lượng mẫu T1.

- Mẫu 02 viên nén màu xanh, ký hiệu T2 gửi giám định là ma túy, loại MDMA. Khối lượng mẫu T2: 0,675 gam.

Tại Bản Cáo trạng số 33/CT-VKS ngày 21 tháng 02 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã truy tố các bị cáo Lê Văn T và Nguyễn Công Q về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, trên cơ sở việc hỏi và tranh luận giữa những người tham gia tố tụng công khai, dân chủ và không bị hạn chế:

- Lê Văn T và Nguyễn Công Q đều khai nhận hành vi phạm tội như trên, lời khai của các bị cáo phù hợp với nội dung Bản cáo trạng của Viện kiểm sát.

- Đại diện Viện kiểm sát thực hiện quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo như Cáo trạng đã đề cập đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lê Văn T và Nguyễn Công Q về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 05 năm 06 tháng tù đến 06 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Công Q từ 05 năm 06 tháng tù đến 06 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung.

- Về xử lý vật chứng trong vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy đối với các vật chứng gồm: 01 bì giấy ký hiệu T chứa 01 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng, 0,422 gam mẫu T2 còn lại sau giám định, toàn bộ vỏ bao gói mẫu được dán k niêm phong ký hiệu T; 01 ly thủy tinh cao khoảng 07 cm, đường kính 04 cm;

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước:

+ Một tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng các bị cáo dùng làm công cụ sử dụng ma túy.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, màu xanh, số Imei 1: 356550104686682, số Imei 2: 356550104728997, gắn sim số: 0905.763.973 của Lê Văn T, sử dụng để liên lạc mua ma túy;

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO F7, màu xanh dương, số Imei 1: 869604033682377, số Imei 2: 869604033682369, gắn sim số 1: 0766.669.069, sim số 2: 0779.557.998 của Nguyễn Công Q, sử dụng liên lạc, rủ N đến sử dụng ma túy.

- Trả lại cho bị cáo Lê Văn T 01 căn cước công dân số 048099000093 mang tên Lê Văn T, là giấy tờ tùy thân của T;

Ngoài ra, các bị cáo Lê Văn T và Nguyễn Công Q còn có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Công an quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 1.500.000 đồng đối với mỗi bị cáo.

Đối với Nguyễn Hữu L, Trần Hoàng N: L, N được T và Q rủ đến cùng sử dụng trái phép chất ma túy nhưng không tham gia vào việc bố trí, sắp xếp điều hành người khác, không cung cấp phương tiện, ma túy, dụng cụ để sử dụng trái phép chất ma túy. Do đó, không cấu thành tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*", vì vậy không kết luận xử lý hình sự. Tuy nhiên, L và N có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên Công an quận Hải Châu đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với L và N.

Nguyễn Thị H: Là nhân viên của quán Bar T, phục vụ tại bàn A1, tiếp bia theo yêu cầu của , H không biết việc T, Q, N, L sử dụng trái phép chất ma túy nên không kết luận, xử lý đối với H.

Đối với Công ty CP TMDV T: Tại thời điểm kiểm tra, Giám đốc là ông Lê Thanh L, tổng quản lý là ông Hồ Ngọc T, có mặt tại cơ sở. Tuy nhiên, ông L, ông và các nhân viên đều không biết việc các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy, cũng không hỗ trợ, cung cấp dịch vụ, đồ vật cho khách sử dụng ma túy, nên Cơ quan

CSĐT Công an quận Hải Châu không đề cập xử lý. Giám đốc Lê Thanh L, quản lý và các nhân viên không tham gia vào việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, tuy nhiên Công ty CP TMDV T đã để xảy ra hoạt động sử dụng trái phép chất ma túy trong cơ sở do mình quản lý nên Chủ tịch UBND quận Hải Châu ra Quyết định xử vi phạm hành chính số tiền 30.000.000 đồng theo Quyết định số 445 ngày 29/01/2024.

- Đối với người đàn ông bán ma túy cho T hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch, Cơ quan CSĐT Công an quận Hải Châu tiếp tục xác minh, điều tra xử lý sau;

Các bị cáo không tranh luận gì với nội dung của bản luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo thừa nhận việc truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, trình bày lời nói sau cùng: xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm vấn công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên* trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo cũng như những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy:* Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, Biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, Kết luận giám định cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 28/9/2023, sau khi được Trần Hoàng N rủ đi nhậu, Nguyễn Công Q liên hệ với Lê Văn T trao đổi, thống nhất đi đến BAR T để nghe nhạc và sử dụng ma túy, Q chịu tiền bàn, T chịu tiền ma túy. Trước đó, T rủ Nguyễn Hữu L, Q rủ Trần Hoàng N đi nhậu tại quán Bar T nhưng không nói với L và N về việc sử dụng ma túy; Khi đến quán BAR T, Thuận gọi điện thoại cho một nam thanh niên qua ứng dụng Telegram để mua 03 viên thuốc lắc, 01 chỉ ketamine với giá 1.800.000 đồng (giao trực tiếp tại bàn A1, T trả tiền mặt). Sau khi có ma túy, T lấy 01 viên ma túy MDMA bẻ làm bốn mảnh và đưa cho Q, L mỗi người một mảnh, tự sử dụng một mảnh, còn lại một mảnh và hai viên ma túy MDMA T để trên bàn A1, đưa ketamine và tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng cho Q xào ma túy; Nguyễn Công Q có hành vi “xào” ma túy Ketamin để T, N, L cùng sử dụng trái phép chất ma túy. Đến 23 giờ 50 phút cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng phát hiện, bắt quả tang thu giữ 0,675 gam ma túy loại MDMA còn lại chưa sử dụng hết. Như vậy, hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ

luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] *Xét tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy:*

Hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội vì ma túy là nguồn gốc sâu xa làm phát sinh các tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác. Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

Xét vai trò đồng phạm của các bị cáo thì thấy đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn. Các bị cáo có vai trò ngang nhau khi thực hiện hành vi phạm tội. Lê Văn T và Nguyễn Công Q bàn bạc, thống nhất cùng nhau đến Bar T để nghe nhạc và sử dụng ma túy. T là người liên hệ đặt mua ma túy, trả số tiền 1.800.000 đồng để mua ma túy (chuẩn bị ma túy), rủ thêm Nguyễn Hữu L, đưa ma túy thuốc lắc cho Q, L sử dụng, cung cấp tiền 2.000 đồng làm công cụ “xào” ma túy ketamine; Q rủ thêm Trần Hoàng N, là người chịu tiền bàn (chuẩn bị địa điểm); Q là người trực tiếp “xào” ma túy cho cả nhóm sử dụng.

Do vậy, HĐXX thấy cần phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt ngang nhau, tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] *Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải; Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự được Hội đồng xét xử xem xét, áp dụng khi quyết định hình phạt cho các bị cáo. Ngoài ra, bị cáo Lê Văn T có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong phong trào thi đua “*Vì an ninh Tổ quốc*” được Giám đốc Công an thành phố Đà Nẵng tặng danh hiệu “*Chiến sĩ thi đua cơ sở*” trong thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự tại Tiểu đoàn CSCĐ Phòng PK02, Công an thành phố Đà Nẵng, gia đình có hoàn cảnh khó khăn; bị cáo Nguyễn Công Q có bà nội (Nguyễn Thị D) được Nhà nước truy tặng danh hiệu “*Bà Mẹ Việt Nam anh hùng*”, gia đình có công cách mạng nên được Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Sau khi phân tích, đánh giá vai trò, nhân thân các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo Lê Văn T và Nguyễn Công Q có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các bị cáo đều có nhân thân tốt, đây là lần đầu các bị cáo phạm tội, do bộc phát ham vui không làm chủ được bản thân dẫn đến hành vi cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Số

lượng ma túy các bị cáo tổ chức sử dụng ít. Bản thân bị cáo T đã có thời gian phục vụ trong quân ngũ, gia đình bị cáo Q có truyền thống cách mạng. Do vậy, để tạo điều kiện cho các bị cáo sớm được trở về với gia đình, tái hòa nhập và trở thành những người có ích cho xã hội, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật, Hội đồng xét xử sẽ xem xét áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng cho các bị cáo T, Q là phù hợp.

[5] *Về hình phạt bổ sung*: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo có công việc làm ổn định nhưng mức thu nhập thấp, điều kiện kinh tế, hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có tài sản. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xử lý như sau:

- Tịch thu tiêu hủy đối với các vật chứng gồm: 01 bì giấy ký hiệu T chứa 01 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng, 0.422 gam mẫu T2 còn lại sau giám định, toàn bộ vỏ bao gói mẫu được dán k niêm phong ký hiệu T; 01 ly thủy tinh cao khoảng 07 cm, đường kính 04 cm; là chất ma túy cấm lưu hành và công cụ các bị cáo dùng để sử dụng ma túy.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước đối với: Một tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng các bị cáo dùng làm công cụ sử dụng ma túy; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, màu xanh, số Imei 1: 356550104686682, số Imei 2: 356550104728997, gắn sim số: 0905.763.973 của Lê Văn T; 01 điện thoại di động hiệu OPPO F7, màu xanh dương, số Imei 1: 869604033682377, số Imei 2: 869604033682369, gắn sim số 1: 0766.669.069, sim số 2: 0779.557.998 của Nguyễn Công Q, là phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

- Trả lại cho bị cáo Lê Văn T 01 căn cước công dân số 048099000093 mang tên Lê Văn T;

(Các vật chứng nêu trên hiện nay Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/4/2024)

[7] Về các nội dung khác của vụ án:

- Đối hành vi tổ chức và sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo Lê Văn T và Nguyễn Công Q: Ngày 05/10/2023, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an thành phố Đà Nẵng ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính (số 179/QĐ-XPHC đối với Lê Văn T và số 180/QĐ-XPHC đối với Nguyễn Công Q, phạt tiền 1.500.000 đồng đối với mỗi bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi tổ chức và sử dụng ma túy của các bị cáo đã bị khởi tố điều tra và xét xử về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” trong vụ án này, việc xử phạt hành chính đối với các bị cáo trên cùng một hành vi là không phù hợp. Do đó, kiến nghị với Phòng Cảnh sát điều

tra tội phạm về ma túy, Công an thành phố Đà Nẵng thu hồi và bãi bỏ hai Quyết định xử phạt hành chính đối với Lê Văn T và Nguyễn Công Q.

Đối với Nguyễn Hữu L, Trần Hoàng N: L và N không tham gia tổ chức việc sử dụng trái phép chất ma túy nên không đủ căn cứ để kết luận truy cứu trách nhiệm hình sự đối với L và N. Tuy nhiên, L và N cũng có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Công an quận Hải Châu đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.500.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với chị Nguyễn Thị H: Là nhân viên của quán Bar T, phục vụ tại bàn A1, tiếp bia theo yêu cầu của N, H không biết việc T, Q, N, L sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan CSĐT Công an quận Hải Châu không kết luận, xử lý đối với H là phù hợp.

Đối với Công ty CP TMDV T: Tại thời điểm kiểm tra, Giám đốc là ông Lê Thanh L, tổng quản lý là ông Hồ Ngọc T, có mặt tại cơ sở. Mặc dù ông L, ông Tuyển và các nhân viên đều không biết việc các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy, cũng không hỗ trợ, cung cấp dịch vụ, đồ vật cho khách sử dụng ma túy. Tuy nhiên, Công ty CP TMDV T đã để xảy ra hoạt động sử dụng trái phép chất ma túy trong cơ sở do mình quản lý nên Chủ tịch UBND quận Hải Châu ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 30.000.000 đồng theo Quyết định số 445 ngày 29/01/2024 là có cơ sở, Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

- Đối với người bán ma túy cho T, Cơ quan CSĐT Công an quận Hải Châu tiếp tục xác minh, điều tra xử lý sau là phù hợp.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Từ những nhận định trên, xét thấy lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu về tội danh và áp dụng các điều luật cũng như đề nghị mức hình phạt là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo **Lê Văn T và Nguyễn Công Q** phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

1.1 Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Lê Văn T 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng** tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 29 tháng 9 năm 2023).

1.2 Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Công Q 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng** tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 29 tháng 9 năm 2023).

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng quy định tại Điều 47 bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy đối với các vật chứng gồm: 01 bì giấy ký hiệu T, 0,422 gam mẫu T2 còn lại sau giám định, toàn bộ vỏ bao gói mẫu được dán k niêm phong ký hiệu T; 01 ly thủy tinh cao khoảng 07 cm, đường kính 04 cm;

Tịch thu sung ngân sách nhà nước đối với: Một tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng (trong bì giấy ký hiệu T); 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, màu xanh, số Imei 1: 356550104686682, số Imei 2: 356550104728997, gắn sim số: 0905.763.973 của Lê Văn T; 01 điện thoại di động hiệu OPPO F7, màu xanh dương, số Imei 1: 869604033682377, số Imei 2: 869604033682369, gắn sim số 1: 0766.669.069, sim số 2: 0779.557.998 của Nguyễn Công Q.

- Trả lại cho bị cáo Lê Văn T 01 căn cước công dân số 048099000093 mang tên Lê Văn T;

(Các vật chứng nêu trên hiện nay Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/4/2024)

3. Kiến nghị Phòng Cảnh sát Điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Đà Nẵng thu hồi và bãi bỏ:

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 179/QĐ-XPHC ngày 05/10/2023 đối với Lê Văn T.

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 180/QĐ-XPHC ngày 05/10/2023 đối với Nguyễn Công Q.

4. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Lê Văn T và Nguyễn Công Q mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Án xử sơ thẩm, báo cho các bị cáo có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này về những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được cấp, tổng đạt bản án.

Nơi nhân:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND quận Hải Châu;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- TAND TP Đà Nẵng;
- CQCSĐT CA quận Hải Châu;
- THA dân sự quận Hải Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Minh Thông

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

**Thành viên Hội đồng xét xử
tòa**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên

